

CHƯƠNG II

CHIẾN TRANH VIỆT NAM KẾT THÚC MANG Ý NGHĨA GÌ?

Ai cũng biết là cuộc chiến tranh Việt Nam kéo dài trên 20 năm (1954 -1975) và đã kết thúc tính đến 30 -4 năm nay là đúng 20 năm. Như vậy là thắm thoát thời gian chiến tranh và hoà bình trên đất nước ta đã gần tương đương nhau.

Dân tộc Việt Nam đã được gì, mất gì trong những thời khoảng chiến tranh và hoà bình ấy, hẳn ai cũng có thể nhẩm tính được. Đã có biết bao sự kiện biến đổi thăng trầm trên quê hương, đất nước và dân tộc Việt Nam trong hoà bình. Chiều hướng biến đổi chung là các bên thù địch tham chiến hôm qua, hôm nay đều như có nỗ lực đẩy lùi quá khứ, muốn mau chóng quên đi chiến tranh, hận thù để cùng hướng đến một tương lai tươi sáng và tốt đẹp hơn cho dân tộc.

Các bên cựu thù là người Việt Nam, từng được ngoại bang sử dụng như những công cụ chiến lược một thời, nay đa số như đồng ý là cần “hoà giải và hoà hợp dân tộc” theo đúng ý nghĩa của cụm từ này. Vấn đề bất đồng chỉ

còn là phương thức thực hiện “hoà giải và hoà hợp dân tộc” thế nào cho hợp tình hợp lý, để các bên có thể chấp nhận được, hầu sớm đi đến thống nhất được toàn lực quốc gia để cùng hướng về tương lai tươi sáng cho dân tộc.

Các bên cựu thù ngoại bang, thì nay đều tỏ ra có thực tâm muốn tạo điều kiện thuận lợi cho các bên cựu thù bản xứ xích lại gần nhau và sẵn sàng giúp Việt Nam xây dựng dân chủ, phát triển đất nước đến phú cường (vì yêu cầu của một thể chiến lược quốc tế mới và vì quyền lợi thiết thực của chính họ).

Thành ra, càng ngày người ta có vẻ dễ dàng đồng ý được với nhau về ý nghĩa lịch sử của chiến tranh Việt Nam và sự kết thúc cuộc chiến này. Một ý nghĩa trung thực phù hợp với tính khách quan của lịch sử.

Thật vậy, sau khi chiến tranh kết thúc, chế độ Hà Nội công cụ được đóng vai trò thắng trận đã đưa ra ba ý nghĩa về cuộc chiến tranh Việt Nam và sự kết thúc của nó.

Chúng ta hãy nhận định ba “ý nghĩa lịch sử” này để thấy được sự chuyển biến nhận thức của các bên tham chiến theo thời gian, những người Việt Nam cộng sản cũng như những người Việt Nam không cộng sản.

I. Có Phải Đó Là “Cuộc Chiến Tranh Yêu Nước, Chiến Tranh Giải Phóng Dân Tộc Và Bảo Vệ Tổ Quốc Tiêu Biểu, Vĩ Đại Nhất Ở Nước Ta” (3) Không?

Cần phân định rạch ròi cuộc chiến đánh đuổi thực dân Pháp cho đến năm 1954, hoàn toàn khác với cuộc chiến tranh do chế độ công cụ Hà Nội phát động từ năm 1954 đến 1975 về mục tiêu và ý nghĩa. Mọi người có thể

đồng ý với những người Việt Nam cộng sản về ý nghĩa của cuộc chiến tranh trước, đúng thực là “cuộc chiến tranh yêu nước, chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc tiêu biểu vĩ đại nhất ở nước ta”. Vì cuộc chiến này đã kết thúc gần một trăm năm nô lệ thực dân Pháp, sau một quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ của nhiều thế hệ nhân dân Việt Nam. Còn cuộc chiến tranh sau, đến lúc này thì ai cũng phải hiểu đó là “cuộc chiến tranh lợi dụng lòng yêu nước, khát vọng độc lập, tự do, dân chủ của nhân dân Việt Nam, xô đẩy dân tộc vào vòng cương toả của chủ nghĩa thực dân mới”. Nói cách khác, một cuộc chiến mà các bên Việt Nam đã bị sử dụng như những công cụ thực hiện chiến lược quốc tế của các đế quốc mới. Nghĩa là một cuộc chiến tranh ý thức hệ do các cường quốc đế quốc chủ mưu và thù lợi, đã sử dụng hai công cụ bản xứ để thực hiện cuộc chiến tranh cốt nhục tương tàn, biến đất nước ta thành bãi chiến trường, nhân dân ta là đối tượng tiêu thụ vũ khí và thử nghiệm các phương tiện giết người hiện đại.

II. Có Phải Đó Là “Bản Anh Hùng Ca Vĩ Đại Nhất Trong Lịch Sử Hàng Ngàn Năm Dựng Nước Và Giữ Nước Của Dân Tộc” (4) Không?

Không

Vì đây là hệ quả tất nhiên của ý nghĩa thứ nhất. Bởi một khi người ta đồng ý được với nhau rằng cuộc chiến tranh vừa qua không phải là “cuộc chiến tranh yêu nước, chiến tranh giải phóng dân tộc” thì tất nhiên việc tiến hành và kết thúc cuộc chiến tranh như thế, không thể là “bản anh hùng ca vĩ đại nhất trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc”. Và chẳng chỉ có thể

coi cuộc chiến tranh do công cụ cộng sản Hà Nội khơi động, tiến hành và kết thúc “thắng lợi” là “bản anh hùng ca vĩ đại nhất” của những cá nhân và tập đoàn làm tay sai cho ngoại bang, trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc. Vì rằng cá nhân ông Hồ và tập đoàn cộng sản Việt Nam đã thực hiện xuất sắc các ý đồ chiến lược của đế quốc Liên Xô, vì lợi ích cho lịch sử bành trướng của tân đế quốc Đò Liên Xô, hoàn toàn xa lạ và đi ngược lại với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Vĩ đại nhất vì trong lịch sử làm tay sai, công cụ thực hiện ý đồ cho ngoại bang, không có cá nhân và tập đoàn nào thực hiện “nghĩa vụ quốc tế cao cả” xuất sắc hơn ông Hồ và đảng của ông.

III. Cuộc Chiến Tranh Việt Nam Kết Thúc Như Thế, Có Phải Là Thắng Lợi Của “Phe Xã Hội Chủ Nghĩa” Đối Với “Phe Tư Bản Chủ Nghĩa” (5) Hay Không?

Không

Trước đây có thể hầu hết những người Việt Nam cộng sản và một số ít những người Việt Nam không cộng sản không đồng ý với sự khẳng định này. Nhưng ngày nay, dù muốn dù không, đa số người Việt Nam cộng sản cũng như Việt Nam không cộng sản phải thừa nhận: vì nhu cầu thay đổi chiến lược quốc tế, các cường quốc đế quốc mới chủ động cho cuộc chiến tranh Việt Nam đi đến kết thúc vào tháng Tư năm 75, và do đó, chiến tranh Việt Nam kết thúc như thế không phải là thắng lợi của phe này đối với phe kia.

Nhớ lại, sau ngày 30 -4 -1975, những người Việt Nam cộng sản đã tỏ ra kiêu hãnh và tự hào rằng cuộc chiến tranh Việt Nam kết thúc là một đại thắng cho họ vì

đã làm được công việc “đẩy lùi trận địa của chủ nghĩa đế quốc, mở rộng trận địa cho chủ nghĩa xã hội, đảo lộn được chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ” (6). Đến nay, dù không nói ra, thực tế đã “giác ngộ” cho những người Việt Nam cộng sản hiểu rằng: chính “đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế” đã tiêu diệt trận địa chủ nghĩa xã hội, chủ động dập tắt cuộc chiến tranh Việt Nam nói riêng, chiến tranh Đông Dương và các cuộc chiến tranh cục bộ khác nói chung, là do yêu cầu của một thế chiến lược quốc tế mới, là nỗ lực thiết lập “một nền trật tự quốc tế mới” hay là “một hệ thống kinh tế thế giới mới”.

Vì sao những người Việt Nam cộng sản “giác ngộ” được như vậy? Chính là do các sự kiện thực tế diễn ra trong quá trình thời gian từ 20 năm qua.

Thật vậy, khởi đầu quá trình thời gian, ngay khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, đã có một số những người Việt Nam cộng sản có trình độ nhận thức lưu ý đến sự kết thúc cuộc chiến không được bình thường. Trong thâm tâm những người Việt Nam cộng sản này đã có suy nghĩ cùng chiều với một số những người Việt Nam không cộng sản có tầm hồn lạc quan và tầm nhìn chiến lược. Suy nghĩ rằng: nếu việc kết thúc chiến tranh Việt Nam quả là một thắng lợi của “phe xã hội chủ nghĩa” thì tình hình Việt Nam phải biến chuyển khác hơn thực tế sau ngày 30-4-1975. Thực tế logique phải là phe xã hội chủ nghĩa, cụ thể là các cường quốc cộng sản hàng đầu như Liên Xô, Trung Quốc, phải tìm mọi cách và dồn mọi nỗ lực chi viện tối đa cho chế độ cộng sản Việt Nam vượt qua những khó khăn hậu chiến, tạo điều kiện cho Việt Nam phát triển đến cường thịnh. Để làm gì? Để phát huy thắng lợi

Việt Nam nhằm lôi kéo, mời chào các nước nghèo đói trong vùng hãy noi gương Cộng sản Việt Nam, lao vào các cuộc “chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng dân tộc. . .” để đạt mục tiêu lật đổ các chính quyền tư sản, xoá bỏ “chế độ người bóc lột người”, thiết lập “chế độ xã hội chủ nghĩa”. Rằng hãy theo gương Việt Nam vì trong “chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng” sẽ được trợ giúp tối đa vũ khí, lương thực để đánh thắng, và sau chiến tranh cũng sẽ được Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác viện trợ ồ ạt, vô điều kiện, trên tinh thần “quốc tế vô sản”, để cùng nhau xây dựng “một xã hội xã hội chủ nghĩa”, tiến tới một xã hội viên mãn: thiên đường cộng sản trong viễn tưởng!

Thế nhưng, thực tế trên đã không xảy ra mà chỉ thấy những hiện tượng ngược chiều. Người ta thấy Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, dường như chờ đợi một cái gì đó. Tất cả như chỉ đứng nhìn và để mặc cho Cộng sản Việt Nam loay hoay tự giải quyết các khó khăn mọi mặt, khó khăn cũ cũng như khó khăn mới đề ra.

Trong những năm đầu, vào thời điểm mà mâu thuẫn Nga - Hoa đã đến thời kỳ quyết liệt, đẩy Việt Nam vào thế phải chọn lựa dứt khoát: theo Nga hay theo Tàu Cộng. Trong khi chờ đợi sự chọn lựa dứt khoát này, cả hai đế quốc Đờ-đờ đều không có hành động chi viện tích cực nào như đã từng hào hiệp đưa vũ khí, lương thực và các phương tiện giết người hiện đại cho Cộng sản Việt Nam làm “chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng”. Đến khi chẳngặng đặng dừng, Cộng sản Việt Nam bó buộc chọn lựa, đã chọn “Moscow là tổ quốc xã hội chủ nghĩa” duy nhất của mình, lập tức Trung Cộng khởi động gây

khó khăn thêm nữa cho Cộng sản Việt Nam.

Hành động cụ thể đầu tiên là đòi nợ khẩn cấp, rút hết chuyên gia về nước, bỏ dở các công trình đang xây dựng... Để trả món nợ này, Cộng sản Việt Nam đã vơ vét lúa gạo, vàng bạc quý kim tài nguyên đất nước, cùng với “chiến lợi phẩm” lấy được ở miền Nam của “Mỹ - Ngụy”, đem trả nợ cho Trung Cộng.

Hậu quả thấy được là nhân dân cả nước trong thời gian này đã phải ăn bo bo, bột mì, độn ngô khoai sắn... Đã vậy, như chưa hả giận và như để trừng phạt kẻ phản bội “tham phú, phụ bần”, Trung Cộng đã sử dụng công cụ mới của mình ở Cam Bốt (ché độ Pol Pot) tiến hành các hoạt động quấy phá quân sự (như đánh chiếm vài đảo nhỏ gần bờ biển phía Nam của Việt Nam, tấn công qua Tây Ninh và một số tỉnh biên giới phía Nam). Các hoạt động quân sự này của công cụ Pol Pot, sau đó người ta hiểu được ý đồ thực sự của Trung Cộng chỉ là gài thế cho Cộng sản Việt Nam ngã sập mặt và sa lầy lâu dài vào Cam Bốt, là gián tiếp kéo Liên Xô vào cuộc và gây thêm gánh nặng cho Liên Xô. Bằng sự quấy phá, khiêu khích quân sự, rõ ràng là Trung Quốc đã đẩy Cộng sản Việt Nam vào thế phải kéo quân vào Cam Bốt tháng 1 - 1979. Cộng sản Việt Nam như bị ngã sập mặt vào Cam Bốt, vì khi hùng hổ kéo đại binh vào đất Chùa Tháp, quân đội Cộng sản Việt Nam chỉ gặp kháng cự lẻ tẻ, yếu ớt, tiến quân như vào chỗ không người. Đến khi vào đến Pnom Penh thì quân Khmer Đỏ đã rút hết từ bao giờ. Chiếm được Cam Bốt một cách dễ dàng như thế không phải là chuyện bình thường. Chiếm được Cam Bốt mà không rút về được là hậu quả của hiện tượng không bình thường tức

là đã rơi vào thế sa lầy theo trận đồ đối phương bày ra. Người ta tự hỏi, tại sao Trung Cộng không nhảy vào cứu nguy cho Pol Pot, điều mà Trung Cộng có thể làm được và thừa sức làm như đã từng làm trong cuộc chiến tranh Cao Ly trước đây. Đó chính là điều bất bình thường để tạo ra trận đồ buộc Cộng sản Hà Nội phải sa vào vậy.

Như mọi người đều biết, sau khi chiếm được Cam Bốt, Cộng sản Việt Nam đã dựng lên chính quyền tay sai Heng Samring với chế độ Cộng hoà Nhân dân Kampuchia, như để hợp pháp hoá hành động quân sự của mình. Thế nhưng hành động quân sự này vẫn bị cả thế giới lên án là xâm lược. Chế độ cộng sản Việt Nam bị cô lập trên trường quốc tế sau hành động xâm lược bất đắc dĩ này. Hoa Kỳ trước đó đã trừng phạt Việt Nam bằng chính sách cấm vận, nay lại có cơ hội lôi kéo được nhiều nước tham gia bao vây cô lập gây thêm nhiều khó khăn cho chế độ cộng sản Việt Nam.

Trong khi đó, vì phải tiếp tục chiếm giữ để bảo vệ chế độ công cụ do mình dựng lên ở Cam Bốt, quân cộng sản Việt Nam đã phải đương đầu với cuộc chiến tranh du kích của Khmer Đỏ. Một cuộc chiến tranh đã làm tiêu hao nhiều sinh lực chế độ cộng sản Việt Nam. Trong hàng chục năm bị chôn chân vào chiến trường Cam Bốt, Cộng sản Việt Nam đã tiêu phí nhiều tài nguyên đất nước và sinh mệnh của hàng trăm ngàn thanh niên Việt Nam cho cái gọi là “nghĩa vụ quốc tế cao cả”.

Nhưng dù khéo tuyên truyền, che đậy cách nào, chế độ cộng sản Việt Nam vẫn không tránh khỏi sự căm phẫn, bất bình trong mọi tầng lớp nhân dân. Đó là chưa

kể những di hại nghiêm trọng lâu dài hơn về mặt kinh tế, xã hội. Trước mắt, đất nước đã nghèo nay càng nghèo hơn vì cuộc chiến tranh này và đó cũng đã là nguyên nhân làm phân hoá sâu sắc hàng ngũ chớp bu của đảng Cộng sản Việt Nam. Đã vậy, Trung Cộng còn bồi thêm những đòn trừng phạt quân sự, tiến quân vào biên giới phía Bắc tàn phá nặng nề những cơ sở quân sự, kinh tế. . . gọi là để dạy cho Việt Nam một bài học. Ai cũng thấy, đây là một hành động ngạo mạn, bá quyền của Trung Cộng, song Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa thuộc Liên Xô chỉ phản ứng yếu ớt, chiếu lệ. Cộng sản Việt Nam đã rơi vào thế phải tự đương đầu. Các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã có thái độ như thế, thì không trách được thái độ thờ ơ của các nước không cộng sản trước hành động ngang ngược của một nước lớn vi phạm chủ quyền một nước nhỏ, chà đạp lên công pháp quốc tế. Điều đáng chú ý là ngay cả tổ chức Liên Hiệp Quốc lúc đó cũng chỉ lên án nhẹ nhàng mà không dám đưa ra một nghị quyết cương quyết nào buộc Trung Cộng phải rút quân xâm lược ngay lập tức, tương tự như các nghị quyết cho các sự tranh chấp ở Trung Đông. Vì rằng Trung Cộng và Việt Nam đều là hai nước hội viên Liên Hiệp Quốc, đáng lý ra cơ quan này có quyền làm như vậy và có bốn phận phải làm như vậy. Thành ra sự kiện này phần nào đã cảnh giác cả những người Việt Nam cộng sản cũng như những người Việt Nam không cộng sản. Trong thâm tâm ai cũng cảm thấy có cái gì không được bình đẳng trong quan hệ quốc tế, không phải chỉ cảm thấy mà còn thấy được thực tế dường như các cường quốc để quốc thường tự cho mình có quyền làm ra luật pháp quốc tế để áp dụng cho các nước nhược tiểu. Còn chính họ không có nghĩa vụ tuân

hành. Vì vậy người ta không ngạc nhiên gì khi Trung Cộng hành động ngang ngược, đem quân lấn chiếm quần đảo Trường Sa của Việt Nam, trước sự thờ ơ của Liên Hiệp Quốc hoặc cơ quan này chỉ lên tiếng chiếu lệ, như kêu gọi các bên tự chế để giải quyết tranh chấp bằng thương lượng hoà bình.

Tựu chung, cung cách xử sự của Trung Quốc đối với một chính quyền, một chế độ mà trong quá khứ từng được coi là “đồng chí, anh em”, được ví von như “răng vờ môi, môi hở thì răng lạnh”, và tình hữu nghị Việt-Trung từng được tuyên xưng “đời đời bền chặt”... đã khởi động từ lâu quá trình “giác ngộ” hay “phản tỉnh” trong hàng ngũ những người cộng sản Việt Nam. Đồng thời cuộc chiến tranh Việt Nam nói riêng và chiến tranh Đông Dương nói chung đã đi đến kết thúc với một tốc độ chóng mặt, khác thường (sự sụp đổ nhanh chóng của các chế độ cực hữu, sau khi quân đội tháo chạy mà không kịp chiến đấu, theo nhịp độ rút quân nhanh hơn tốc độ tiến quân của đối phương, điều mà Đại tướng Việt cộng Văn Tiến Dũng cho là quân đội của ông ta đã tiến quân như “chè tre”, và tình hình chính trị mấp mờ, tranh tối tranh sáng vào những tháng cuối năm 1974, đầu năm 1975...) đã cho thêm dữ kiện để người Việt Nam (cộng sản cũng như không cộng sản) hoài nghi về ý nghĩa thắng lợi lịch sử của cuộc chiến tranh mà chế độ cộng sản Việt Nam đưa ra.

Nay thì thực tế đã cho thêm dữ kiện đầy đủ để mọi người Việt Nam có thể đi đến thống nhất nhận định: Rằng cuộc chiến tranh Việt Nam thực chất chỉ là cuộc chiến tranh ý thức hệ (cộng sản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa), do các cường quốc đế quốc phát động, tiến hành trên đất

nước Việt Nam, thông qua các cá nhân, tập đoàn bản xứ làm công cụ, xô đẩy nhân dân Việt Nam vào cảnh chiến tranh cốt nhục tương tàn; Rằng hậu quả bi thảm của cuộc chiến tranh này đất nước và dân tộc Việt Nam phải gánh chịu, sau khi ý đồ chiến lược trong vùng của các cường quốc đế quốc đã đạt được.

Và vì vậy, cuộc chiến tranh Việt Nam đã kết thúc như thế *không phải là thắng lợi của phe này đối với phe kia, mà chỉ là vì nhu cầu thay đổi thế chiến lược quốc tế mới của các cường quốc cực mà thôi*.



Các cuộc biểu tình phản chiến đã buộc Hoa Kỳ phải chọn lựa điều mà TT Hoa Kỳ Nixon gọi là “một nền Hoà bình trong Danh dự”.

